PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở MALAYSIA: THÀNH TỰU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

LÊ PHƯƠNG HÒA*
PHẠM THỊ BÍCH NGỌC**

Tóm tắt: *Malaysia là một trong những nước Đông Nam Á có sự dịch chuyển mạnh mẽ và thành công cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ, công nghiệp và sản xuất chế tạo. Theo số liệu của Cục Thống kê Malaysia, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP đã giảm xuống đáng kể còn khoảng trên dưới 10%. Trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp, Malaysia tập trung phát triển các cây công nghiệp có giá trị cao. Tuy nhiên, nông nghiệp Malaysia cũng bộc lộ nhiều vấn đề bất cập. An ninh lương thực và lao động việc làm trong quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất là hai vấn đề mà Malaysia đang phải đối mặt. Bài viết khái quát thực trạng phát triển nông nghiệp của Malaysia, đánh giá những thành tựu đạt được cũng như những vấn đề tồn tại cần giải quyết.*

Từ khóa: *Nông nghiệp, Malaysia.*

1. Thực trạng phát triển nông nghiệp

Nhìn tổng thể nền kinh tế Malaysia trong những năm đầu thế kỷ 21, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước có phần chững lại sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998. Tuy nhiên, trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp, giá trị tổng sản phẩm của ngành tăng dần qua các năm. Năm 2001, giá trị tổng sản phẩm của toàn ngành đạt 18,551 tỷ RM, năm 2005 đạt mức 21,626 tỷ. Năm 2010, giá trị tổng sản phẩm của ngành tăng lên nhanh đạt mức 51,3 tỷ và đến năm 2015 đạt 94,2 tỷ RM[1]. Theo số liệu tổng hợp của Đại sứ quán Mỹ tại Malaysia, giá trị nông nghiệp của Malaysia tăng từ 978 triệu USD năm 2015 lên 1.014 triệu USD năm 2016, 1.016 triệu USD năm 2017 và ước tính 2018 đạt 1.029 triệu USD[2]. Trong cơ cấu nền kinh tế đất nước, vị trí của khu vực nông nghiệp có phần suy giảm so với ngành dịch vụ. Trong đó, tỷ trọng của khu vực nông, lâm ngư nghiệp trong GDP tăng từ mức 8,86% năm 2000 lên 10,2% năm 2010 và giảm xuống mức 8,8% năm 2016 và 8,2% năm 2017[3]. Sở dĩ tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế tiếp tục được giữ vững ở mức như hiện nay là do sau cuộc

* TS. Lê Phương Hòa, Viện nghiên cứu Đông Nam Á
** ThS.NCS. Phạm Thị Bích Ngọc, Tổng cục Môi trường

khủng hoảng tài chính 1997-1998, chính phủ Malaysia đã thực thi Chính sách Nông nghiệp Quốc gia 3 (NAP3) cho thời kỳ 1998-2010. Nội dung chủ yếu của NAP3 là tập trung vào các chính sách đẩy mạnh sản xuất trong nước và hình thành các nguồn lương thực chiến lược để đảm bảo nguồn cung đầy đủ, đảm bảo nguồn lương thực an toàn, dinh dưỡng, chất lượng cao với giá cả có thể chấp nhận được. Trong đó, chính sách mới nhấn mạnh đến nâng cao cạnh tranh toàn cầu, đảm bảo tăng trưởng liên tục của ngành nông nghiệp Malaysia bằng cách tăng sản xuất các sản phẩm thịt bò, cừu, các loại sữa trên thị trường trong nước. Đáng chú ý, Malaysia chú trọng khai thác và phát triển tiềm năng của đất nước như là một trung tâm của Thực phẩm Halal Quốc tế[4]. Như vậy, có thể thấy, cuộc khủng hoảng tài chính đã khiến Malaysia thấy cần thiết phải tăng cường an ninh lương thực thông qua mở rộng sản xuất lương thực, thực phẩm trong nước, phụ thuộc ít hơn vào nhập khẩu. Theo đó, những biện pháp thay thế nhập khẩu mới là cần thiết để khuyến khích sản xuất lương thực thực phẩm trong nước. Các chiến lược chủ yếu được theo đuổi gồm: (i) tăng sản xuất trong nước đối với các sản phẩm lương thực, thực phẩm chủ yếu với chi phí cạnh tranh, như các sản phẩm cá, hoa quả chọn lọc, rau, các sản phẩm chăn nuôi; (ii) hình thành các khu vực chuyên sản xuất lương thực; (iii) khuyến khích và tăng cường các biện pháp hỗ trợ đặc biệt cho sản xuất lương thực; (iv) tăng cường nghiên cứu và triển khai để tăng sản lượng, giảm mất mát sau thu hoạch, tận dụng các kinh nghiệm, tăng hiệu quả sản xuất; (v) tăng cường phát triển nguồn cung và hỗ trợ thể chế, hình thành mối liên kết lớn hơn giữa các phân ngành, phát triển các cụm sản xuất.

Cùng với việc gia tăng sản lượng, giá trị gia tăng của nông, lâm, ngư nghiệp cũng đạt mức tăng trưởng tương đối vững kể từ năm 2000 đến nay. Trong thời kỳ Kế hoạch Malaysia thứ 8, giá trị gia tăng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp đạt mức tăng trưởng trung bình 3%/năm, vượt mục tiêu đề ra của kế hoạch là 2%/năm, tăng từ mức 18.662 triệu RM năm 2000 lên 21.586 triệu RM năm 2005(5). Mức tăng trưởng cao của thời kỳ này nhờ vào sự tăng trưởng của hai phân ngành trồng trọt và chăn nuôi. Trong lĩnh vực cây trồng, sự phát triển và mở rộng của hai loại cây trồng chủ lực là cây cọ dầu và cao su đã đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng của ngành nông nghiệp: Giá trị gia tăng của cây cọ dầu đã tăng từ mức 5.860 triệu RM lên 7.915 triệu RM và giá trị gia tăng của cây cao su đã tăng từ mức 1.868 triệu RM lên 2.264 triệu RM cùng thời kỳ(6). Trong thời kỳ Kế hoạch Malaysia thứ 9 (2006-2010), giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, từ 21.586 triệu RM năm 2005 tăng lên 31.134 triệu RM, đồng thời cơ cấu của ngành nông nghiệp trong GDP cũng được cải thiện từ mức 8,4% năm 2005 lên 10,2% năm 2010. Đây cũng là năm mà tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP đạt mức cao. Tuy nhiên, xem xét cụ thể sự phát triển của nông nghiệp qua các năm cũng cho thấy mức tăng trưởng khá thất thường do đặc trưng của các sản phẩm nông nghiệp vốn nhạy cảm với sự biến dòng của tình hình thế giới và khu vực. Chẳng hạn, trong các năm 2006, 2008, tăng trưởng của ngành nông nghiệp đạt mức rất cao, lần lượt là 5,2% và 4,3%, trong khi các năm 2007 và

2009, mức tăng trưởng chỉ đạt tương ứng 1,3% và 0,1%, năm 2010 tốc độ tăng trưởng ở mức 2,4%(7). Trong 5 năm tiếp theo, tăng trưởng của khu vực nông nghiệp tiếp tục thất thường và đạt mức không cao, trừ năm 2011 đạt mức 6,8%, các năm còn lại chỉ là 1,0%, 1,9%, 2,1% và 1,3% cho thời kỳ 2012-2015(8). Mức tăng trưởng nông nghiệp đạt 96 triệu RM năm 2017(9), đây là mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay.

Về cơ cấu phân ngành nông nghiệp, kể từ năm 2000 đến nay, trồng trọt là khu vực phát triển với tốc độ nhanh hơn cả. Tỷ trọng giá trị gia tăng của khu vực trồng trọt tăng từ mức 62,1% năm 2000 lên 65,3% năm 2005, và đạt mức rất cao 82,7% cho cả hai năm 2010 và 2015. Con số thống kê từ Cục Thống kê Malaysia cho thấy, trong thời kỳ 2010-2015, giá trị sản lượng của phân ngành trồng trọt đạt mức tăng trưởng trung bình rất cao, với tỷ lệ 6,4%/năm, từ mức 37.775 triệu RM năm 2010 lên 50.763 triệu RM năm 2015. Trong đó, giá trị gia tăng của phân ngành tăng từ mức 25.715 triệu RM lên 34.309 triệu RM cùng thời kỳ(10). Trong số các cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông nghiệp Malaysia, có hai loại cây công nghiệp chủ lực là cây cọ dầu và cao su. Giá trị gia tăng mà cây cọ dầu đóng góp cho ngành nông nghiệp đã tăng từ mức 5.860 triệu RM năm 2000 lên 7.915 triệu RM năm 2005 và đạt mức rất cao 32.477 triệu RM năm 2015(11). Trong đó, giá trị sản lượng của cây cọ dầu đã tăng nhanh trong thời kỳ Malaysia thực hiện NEM (Mô hình kinh tế mới). Năm 2010, giá trị sản lượng của ngành đạt mức 34.699 triệu RM và năm 2015 đạt mức 47.162 triệu RM(12). Năm 2017, sản lượng cây dầu cọ đạt mức 101.741,0 nghìn tấn, tăng 17,9%, cao nhất trong số các loại cây trồng, tiếp theo là cao su với mức sản lượng 66,6 nghìn tấn, tăng 9,9%(13). Cao su là cây đóng góp lớn thứ 2

Bảng 1: Cơ cấu nông nghiệp của Malaysia (%), 2015 - 2017

Ngành	2015	2016	2017
Dầu cọ	46,9	43,1	46,6
Ngành trồng trọt	17,7	19,5	18,6
Chăn nuôi	10,7	11,6	11,4
Thủy sản	10,7	11,5	10,5
Cao su	7,2	7,1	7,3
Lâm nghiệp	6,9	7,2	5,6
Tổng	**100**	**100**	**100**

Nguồn: số liệu từ Department of Statistics Malaysia Official Website, Selected Agricultural Indicators, Malaysia, 2016,2017, 2018 (www.dosm.gov.my)

về giá trị gia tăng trong lĩnh vực trồng trọt nhưng với xu hướng ngày càng giảm. Ngoài dầu cọ và cao su còn phải kể đến lúa, ca cao, dừa, thuốc lá, hồ tiêu, rau, hoa quả. Tuy nhiên, giá trị gia tăng của các loại cây trồng này ít thay đổi trong cả thời kỳ dài do hiệu quả sản xuất không cao, năng suất thấp, giá trị gia tăng không lớn, chủ yếu là loại hình sản xuất nhỏ của người nông dân. (Xem bảng 1).

Phân ngành chăn nuôi của nông nghiệp Malaysia có quy mô không lớn và ít có biến động trong gần 2 thập kỷ qua. Giá trị gia tăng của chăn nuôi không nhiều, từ 1.520 triệu RM năm 2000 tăng lên 3.403 triệu RM năm 2015. Thời kỳ 2010-2015, giá trị gia tăng của phân ngành này đã tăng với tỷ lệ 17,4%, từ 1.520 triệu RM lên 3.403 triệu RM[14]. Năm 2015, số doanh nghiệp tham gia vào phân ngành chăn nuôi là 1.604, tăng từ mức 1.089 doanh nghiệp năm 2010 (tốc độ tăng trưởng trung bình 8,1%) và số lượng việc làm cho phân ngành cũng tăng lên nhanh, từ mức 20.056 lên 34.805 người trong thời kỳ 2010-2015 (tốc độ tăng trưởng trung bình 11,7%)[15].

Tương tự, lâm nghiệp là lĩnh vực cũng ít có sự thay đổi. Giá trị gia tăng của phân ngành chỉ dao động quanh mức trên dưới 3.000 triệu RM cho cả thời kỳ 2000-2015. Trong thời kỳ 2010-2015, giá trị sản lượng của lâm nghiệp và gỗ đã giảm 1,4%, từ mức 8.111 triệu RM xuống 7.552 triệu RM. Trong đó, giá trị gia tăng của phân ngành đã giảm với tỷ lệ trung bình 2,2%, từ mức 3.360 triệu RM xuống 3.006 triệu RM[16].

Về ngư nghiệp, theo báo cáo từ Cục Thống kê Malaysia, riêng thời kỳ 2010-2015, giá trị sản lượng của ngành đã tăng với tỷ lệ 8,6%, từ mức 1.474 triệu RM lên 2.226 triệu RM . Trong đó, giá trị gia tăng của ngư nghiệp đã tăng với tỷ lệ 10,2% từ mức 460 triệu RM lên 747 triệu RM[17]. Số lượng doanh nghiệp tham gia phân ngành cũng có mức tăng trưởng trung bình 7,5%, từ con số 855 năm 2010 lên 1.229 năm 2015. Số lao động tham gia phân ngành cũng có mức tăng trưởng với tỉ lệ 6,4%, từ 11.508 lao động năm 2010 lên 15.690 lao động năm 2015[18]. Tuy nhiên, ngư nghiệp là ngành ít phát triển trong nông nghiệp nói riêng và trong nền kinh tế Malaysia nói chung.

Xét về tổng thể, cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp của Malaysia có sự thay đổi lớn trong gần 2 thập kỷ qua, đặc biệt là giai đoạn kể từ khi chính phủ thực thi chương trình chuyển đổi kinh tế từ 2010 đến nay.

2. Thành tựu và những vấn đề đặt ra

Thành tựu đáng kể nhất trong phát triển nông nghiệp của Malaysia chính là việc thực hiện chuyển đổi khá thành công cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hóa, phát huy vai trò của loại hình sản xuất lớn là kinh tế đồn điền. Điều này cũng phản ánh tính hiệu quả trong việc lựa chọn cơ cấu cây trồng hợp lý trong điều kiện phát triển hiện đại. Trong đó, Malaysia đã lựa chọn các loại cây công nghiệp có lợi thế về hiệu quả kinh tế và mở rộng sản xuất, điển hình là cây cọ dầu. Các thống kê về việc mở rộng cây cọ dầu, đặc biệt là đối với loại hình kinh tế đồn điền như nêu trên cùng với các thống kê về đóng góp chủ yếu của nó trong giá trị gia tăng của ngành nông

nghiệp cũng như giá trị xuất khẩu đã chứng minh cho sự thành công đó. Cùng với việc mở rộng sản xuất cây cọ dầu nhằm phát huy lợi thế, Malaysia cùng đã thu hẹp dần việc sản xuất cây cao su. Điều này cũng được chứng minh thông qua thống kê về đóng góp của cây cao su trong nền nông nghiệp Malaysia cả về giá trị gia tăng và xuất khẩu trong bối cảnh các nước trong khu vực như Indonesia, Thái Lan, Việt Nam... mở rộng phát triển loại cây này và giá mủ cao su trên thị trường thế giới có sự biến động. Ở đây, ngoài sự điều chỉnh của nhà nước còn có sự lựa chọn phù hợp của các doanh nghiệp. Một điểm đáng quan tâm là việc Malaysia đã kịp thời thực thi Chính sách Nông nghiệp Quốc gia 3 (NAP3) thời kỳ 1998-2010 (một số nội dung chính sách vẫn còn tiếp tục duy trì đến nay), trong đó đề cao an ninh lương thực, đảm bảo yêu cầu tự cung cấp lương thực, thực phẩm cho người dân. Vì vậy, sản xuất lúa gạo, một mặt hàng mà nước này xem là chiến lược đối với an ninh, an toàn đã có sức tăng trưởng nhanh trong gần 20 năm qua. Tất nhiên, việc triển khai NAP3 cũng đưa đến một sự tranh luận đối với việc mở rộng sản xuất lúa gạo bởi đây vẫn là loại cây trồng tập trung ở khu vực sản xuất nhỏ của người nông dân và hiệu quả kinh tế cũng chưa thực sự cao đối với Malaysia.

Cùng với thành công trong việc lựa chọn cây trồng hợp lý, nông nghiệp Malaysia cũng đạt được thành tựu trong chuyển đổi lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Điều này không chỉ giải quyết được mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông thôn, nông dân mà quan trọng hơn là giải quyết được một vấn đề xã hội nan giải mà nhiều nước trong khu vực đang phải đương đầu. Các thống kê cho thấy mối quan hệ giữa đóng góp của nông nghiệp trong GDP với lực lượng lao động trong khu vực ở Malaysia là tương đối ít chênh lệch so với nhiều nước trong khu vực có cùng trình độ phát triển. Quá trình công nghiệp hóa những năm 1980, 1990 ở Malaysia khiến cho làn sóng di cư ồ ạt của cư dân nông thôn lên thành phố. Trong khi đó, với số lượng cư dân ở lại cùng với lao động nhập cư từ các nước láng giềng, Malaysia đã duy trì được sự tăng trưởng và phát triển của khu vực nông nghiệp. Những đóng góp của khu vực cho thấy năng suất lao động nông nghiệp đã được cải thiện đáng kể trong gần 20 năm qua. Sức tăng trưởng của năng suất lao động trong nông nghiệp của Malaysia trong thời gian qua chủ yếu là nhờ phát triển các sản phẩm từ cây công nghiệp, nhất là cây cọ dầu, cao su; đồng thời nhờ chính phủ thực hiện một số dự án đầu tư vào nông nghiệp như nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản, canh tác quy mô lớn của một số công ty trong nông nghiệp. Mặt khác, năng suất lao động trong nông nghiệp được cải thiện nhờ công nghệ canh tác được cơ giới hóa và tăng quy mô diện tích cây trồng, nhất là khu vực kinh tế đồn điền. Trong Kế hoạch Malaysia thứ 9, thu nhập theo đầu người trong nông nghiệp đã tăng từ 47.837 RM năm 2006 lên 51.672 RM năm 2010. Mức tăng năng suất lao động cao nhất của ngành là 9,26% năm 2008 từ mức giảm -2.29% năm 2007. Trong kế hoạch Malaysia thứ 10, thu nhập đầu người trong nông nghiệp có tăng nhưng không đáng kể, tăng

từ 51.672 RM năm 2010 lên mức cao nhất trong thời kỳ: 62.347 RM năm 2011 với mức tăng năng suất lao động đạt 6,23%, sau đó giảm còn 54.540 RM năm 2015. Năm 2016, mức năng suất lao động trong nông nghiệp thể hiện ở thu nhập đã đạt 55.485 RM, tăng 3,4%[19].

Malaysia cũng là nước có bước chuyển mạnh mẽ trong chính sách đầu tư vào nông nghiệp theo hướng phát triển các loại hình xí nghiệp (các hãng) kinh doanh trong nông nghiệp. Điều này có nghĩa, Malaysia hướng đến một nền sản xuất hàng hóa thực sự trong nông nghiệp, gắn với phát triển các ngành chế biến các sản phẩm nông nghiệp bắt đầu từ Kế hoạch Malaysia thứ 9 (2006-2010). Đặc biệt, kể từ khi thực hiện NEM và Chương trình chuyển đổi kinh tế (ETP) (2010), Malaysia lựa chọn 12 lĩnh vực tăng trưởng kinh tế mới (NKEAs), tách ngành sản xuất cọ dầu khỏi nông nghiệp thành một trong 12 NKEAs. Đây cũng là lý do mà nhiều nhà nghiên cứu bình luận rằng dường như chính phủ nước này đã bỏ rơi khu vực nông nghiệp. Trên thực tế, kể từ kế hoạch Malaysia thứ 9 đến nay, không có chương nào bàn về khu vực nông nghiệp. Bước chuyển trong chính sách nông nghiệp bắt đầu từ năm 2000 với việc tập trung vào việc chuyển đổi canh tác truyền thống sang hướng hiện đại và mang tính thương mại nhằm tăng thu nhập và tăng năng suất lao động của người nông dân cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh. Trong NEM và ETP, nông nghiệp cùng với cây cọ dầu là hai trong 12 lĩnh vực kinh tế trọng điểm quốc gia. Theo đó, chính phủ đề ra chính sách chuyển đổi nông nghiệp thành doanh nghiệp kinh doanh, hướng tới một mô hình bao trùm, đáp ứng nhu cầu thị trường, quy mô kinh tế và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị, nâng cao năng suất lao động trong khu vực. Đối với cây cọ dầu, Malaysia sẽ mở rộng chuỗi giá trị, phát triển các công đoạn thượng nguồn tại các đồn điền thông qua tăng năng suất cây trồng, thực hiện cơ giới hóa, cải tiến kỹ thuật canh tác và đa dạng hóa, phát triển các công đoạn hạ nguồn thông qua mở rộng, đa dạng hóa chế biến, phát triển công đoạn hoàn chỉnh nhằm nâng giá trị sản phẩm đối với cả hai loại hình sản phẩm là thực phẩm và ngoài thực phẩm.

Có được những thành công nêu trên là do những nỗ lực của cả chính phủ và khu vực tư nhân, nhất là các doanh nghiệp kinh doanh quy mô lớn, thể hiện ở chỗ: (i) khả năng nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường của các doanh nghiệp và điều chỉnh chính sách hỗ trợ của chính phủ đã giúp cho Malaysia kịp thời chuyển sang loại cây trồng có giá trị kinh tế cao và thu hẹp phần nào loại cây trồng có hiệu quả thấp hơn. (ii) phát triển liên tục loại hình kinh tế đồn điền, trang trại, một loại hình sản xuất quy mô lớn, hiện đại với các công ty tư nhân, vốn nhanh nhạy với những biến động của thị trường và đã có những điều chỉnh sang hướng hiệu quả. Mặt khác, điều kiện đất đai, thổ nhưỡng phù hợp với loại cây công nghiệp của nước này cũng là một lợi thế mang lại cho nền nông nghiệp Malaysia, nhất là cây cọ dầu và cao su. (iii) Vai trò của chính phủ trong việc thực thi các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, điều chỉnh chính sách thông qua các kế hoạch phát triển, đặc biệt mà NEM, ETP đã tiếp sức cho khu vực

nông nghiệp. Trong đó, các chính sách đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ, nghiên cứu và triển khai kịp thời, chú trọng mở rộng chuỗi giá trị đã góp phần tăng năng suất lao động nông nghiệp, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực.

Bên cạnh sự thành công thì nông nghiệp Malaysia cũng để lại một số bài học đáng suy ngẫm.

Thứ nhất, các chính sách trước đây đã định hình cấu trúc hiện tại của ngành, thể hiện đầu tiên là sự tập trung động lực thúc đẩy nghiệp công nghiệp hóa vào những năm 1980. Thứ hai là trong nông nghiệp tập trung cho cây công nghiệp xuất khẩu (đặc biệt là thông qua các đồn điền bất động sản) vì thế đã dành ít nguồn lực hỗ trợ cho ngành thực phẩm. Dù Malaysia có giá trị thương mại nông nghiệp thặng dư nhưng do quá tập trung vào cây công nghiệp đã làm suy yếu ngành thực phẩm. Nước này đã phải nhập khẩu các mặt hàng lương thực chính (ngũ cốc, hoa quả, rau, thực phẩm và đồ uống) và đầu vào nông nghiệp (hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, nông nghiệp, máy móc và công nhân). Điều này giải thích sự thiếu cạnh tranh trong ngành công nghiệp thực phẩm ở Malaysia. Thâm hụt thương mại lương thực tăng từ 4,9 tỷ MR lên 13,9 tỷ MR trong giai đoạn nói trên. An ninh lương thực của đất nước đã bị thách thức bởi khủng hoảng lương thực thế giới trong năm 2008.

Thứ hai, nền nông nghiệp của Malaysia về cơ bản vẫn còn tồn tại sự chia cắt, khác biệt giữa hai loại hình sản xuất, đó là khu vực kinh tế đồn điền (sản xuất quy mô lớn, hiện đại) và sản xuất nhỏ của người nông dân trên nhiều phương diện về phương thức canh tác, quy mô sở hữu, năng lực tiếp cận thị trường... Đây là một vấn đề đã diễn ra ở Malaysia ngay từ thời kỳ thuộc địa và thực sự là một vấn đề tồn tại dai dẳng trong nền nông nghiệp nước này trong suốt nhiều thập kỷ qua. Sự đối lập và khác biệt của hai loại hình này thể hiện trên các điểm chính: khu vực đồn điền thường có quy mô sở hữu lớn, trung bình 100 mẫu (trên 40 ha); tính thương mại hóa cao, quản lý có hiệu quả; do các công ty tư nhân sở hữu, đó là những công ty niêm yết công khai hay các cơ quan phát triển đất công; toàn bộ công ty tham gia vào việc sản xuất các cây công nghiệp như cọ dầu, cao su, ca cao, dứa. Trong khi đó, người nông dân sản xuất nhỏ có quy mô canh tác trung bình chỉ khoảng 1,45 ha, do những cá nhân sở hữu; tính đến những năm gần đây vẫn còn trên 1 triệu nông dân sở hữu đến 75% đất nông nghiệp[20]; loại hình sản xuất này tính thương mại hóa không cao và quản lý yếu kém; trồng các loại cây lương thực cũng như các cây trồng công nghiệp. Với hàng loạt những đặc tính đối lập nêu trên làm cho sự khác biệt giữa hai loại hình ngày càng lớn, mặc dù chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp để thu hẹp những khác biệt này.

Việc thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp cũng dẫn đến sự tích tụ sản xuất theo hướng đồn điền, trang trại hơn là các hộ gia đình. Thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu dẫn đến sự phân hóa và khoảng cách phát triển chênh lệch giữa các nhà sản xuất quy mô lớn và các hộ nông dân độc lập, các trang trại nhỏ. Do các trang trại nhỏ không phát huy được hiệu quả kinh tế

quy mô, thiếu đổi mới, cập nhật khoa học công nghệ cũng như tiếp cận thị trường nên khó cạnh tranh với các trang trại lớn, hiệu quả kinh tế thấp, dẫn đến tình trạng thu hẹp sản xuất. Các hộ, trang trại nhỏ thường tập trung chính vào các mặt hàng nông nghiệp thực phẩm thiết yếu.

Thứ ba, những tồn tại và khác biệt nêu trên cũng dẫn đến việc chuyển đổi nền nông nghiệp Malaysia sang hướng phát triển hiện đại với việc hình thành và phát triển các hãng kinh doanh. Đây là một vấn đề quá khó khăn, nhất là đối với loại hình sản xuất nhỏ. Trong đó, những thách thức lớn đối với ngành nông nghiệp có thể dễ dàng nhìn thấy là chuyển đổi các ngành nông nghiệp quy mô nhỏ sang sản xuất hàng hóa mang tính thương mại và đạt mục tiêu nguồn lương thực, đầy đủ, an toàn, có giá trị dinh dưỡng ở mức giá cả hợp lý, đưa nông nghiệp trở thành nguồn lực tăng trưởng thứ ba cho nền kinh tế. Đây có thể nói là một khó khăn toàn diện do quy mô sở hữu nhỏ, nhất là các lĩnh vực trồng lúa, chăn nuôi hay cả ngư nghiệp: hơn 65% người trồng lúa có diện tích nhỏ hơn 1 ha, gần như toàn bộ giống rau, gần ½ giống hoa quả phải nhập. Mặt khác, khả năng áp dụng khoa học công nghệ trong trồng trọt, sử dụng cơ giới hóa, nâng cao năng lực quản lý theo hướng quản lý của một doanh nghiệp, áp dụng công nghệ thông tin cũng bị hạn chế, do đó, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh thấp.

Thứ tư, Sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp đã kéo dất, lao động và vốn ra khỏi khu vực nông nghiệp và nông thôn, dẫn đến tăng lương và thiếu hụt lao động trong các đồn điền. Sự thiếu hụt lao động làm cho dòng lao động nước ngoài giá rẻ chảy vào Malaysia. Trong năm 2011, lao động nhập cư lên đến 1,5 triệu công nhân. Lực lượng lao động trong nông nghiệp Malaysia hiện nay chủ yếu là người già (39% nông dân tuổi trên 55), phụ nữ, trong khi thanh niên trẻ đã di cư ra sinh sống ở các đô thị trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Để bù đắp cho sự thiếu hụt lao động, Malaysia đã sử dụng lao động nước ngoài. Trong tổng số 1.753,9 nghìn lao động nông nghiệp năm 2015 thì có 646,6 nghìn là lao động nhập cư. Năm 2016, số lượng lao động trong ngành và lao động nhập cư sử dụng lần lượt là 1.609,9 nghìn và 600,4 nghìn người[21]. Tiền lương gia tăng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí và hiệu quả sản xuất trong điều kiện sản xuất nhỏ của nông nghiệp.

Bên cạnh những hạn chế nêu trên, việc thiếu nghiên cứu và phát triển phù hợp cũng là vấn đề không nhỏ. Hiện chính phủ đang hướng tới đưa ngành nông nghiệp trở lại với những thế mạnh của nó, trong đó hướng tới nền kinh tế xanh, đảm bảo cân bằng kinh tế, môi trường, các yếu tố xã hội, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên./.

CHÚ THÍCH

1. Số liệu thống kê từ The Malaixian Economy in Figures các năm 2005, 2007, 2012, 2017 (www.epu.gov.my). Ở đây số liệu có sự tăng trưởng nhanh do số liệu được tính theo giá cố định các năm 1987, 2005, 2010.

2 Đại sứ quán Mỹ tại Malaysia, https://www.export.gov/article?id=Malaysia-Agricultural-Sector.

3. Department of Statistics Malaysia Official Website, Selected Agricultural Indicators, Malaysia, 2018.

4. Halal là loại thực phẩm phù hợp với chế độ ăn uống của đạo Hồi.

5. The Malaixian Economy in Figures các năm 2010, Economic Planning Unit.

6. Value added of Agriculture and Agro-based Industry 2000-2010, chapter 3, Ninth Malaixian Plan 2006-2010, P.82.

7. The Malaixian Economy in Figures các năm 2010, 2012, Economic Planning Unit.

8. The Malaixian Economy in Figures các năm 2015, 2017, Economic Planning Unit.

9. Selected Agricultural Indicators, Malaysia, 2018.

10. Economic Census 2016- Crops, Department of Statistics Malaixia (www.dosm.gov.my), 10-7-2017.

11. Số liệu từ Value added of Agriculture and Agro-based Industry 2000-2010, chapter 3, Ninth Malaixian Plan 2006-2010, P.82 and Economic Census 2016- Crops, Department of Statistics Malaixia (www.dosm.gov.my).

12. Economic Census 2016- Crops.

13. Selected Agricultural Indicators, Malaysia, 2018.

14. Economic Census 2016- Crops.

15. Economic Census 2016 Livestock, Department of Statistics Malaixia (www.dosm.gov.my), 10-7-2017.

16. Economic Census 2016- Crops.

17. Economic Census 2016- Crops, Department of Statistics Malaixia (www.dosm.gov.my).

18. Value Added of fisheries and logging subsector recorded an annual growth rate of 10,2 percent in 5 years period, Economic Census, 2016, Department of Statistics Malaixia (www.dosm.gov.my).

19 Productivity Report 2011/2012, 2015/2016, 2016/2017 (productivity in agricultural sector).

20. Overview of Agriculture Sector in Malaixia, Ministry of Agriculture and Agro-based Industry (www.moa.gov.my).

21. Selected Agricultural Indicators, Malaixia, 2017, Agricultural Sector grew 8,1% in 2016, www.dosm.gov.my, 22-12-2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Department of Statistics Malaixia (2016), *Contribution of sectors to Malaixian GDP* (www.dosm.gov.my).

2. Department of Statistics Malaixia, *Economic Census 2016- Crops* (www.dosm.gov.my)

3. Department of Statistics Malaixia (2017), *Selected Agricultural Indicators*(www.dosm.gov.my).

4. Ninth Malaixian Plan 2006-2010, *Value added of Agriculture and Agro-based Industry 2000-2010.*

5. Economic Planning Unit, *The Malaixian Economy in Figures, 2010, 2012, 2015, 2017.*

6. Ministry of Agriculture and Agro-based Industry *Productivity Report 2011/2012, 2015/2016, 2016/2017 (productivity in agricultural sector).*

7. Ministry of Agriculture and Agro-based Industry, *Overview of Agriculture Sector in Malaixia* (www.moa.gov.my).

8. Malaixia, *Tenth Malaixia Plan 2011-2015* (www.epu.gov.my).

9. Negin Vaghefi, Mad Nasir Shamsudin,Alias Radam &Khalid Abdul Rahim, *Impact of climate change on food security in Malaixia: economic and policy adjustments for rice industry*, Published online: 03 Dec 2015.